

Bản số: 221 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2024

Về việc: “Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Thái

Ông Đỗ Nhật Tân .

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Định - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2024, về việc: “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hồ Thị Mỹ T1, sinh năm 1988, có mặt

Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1983, có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2023, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn Hồ Thị Mỹ T1 trình bày: Giữa chị với **Nguyễn Hữu Q** tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2014 đến năm 2015 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Vợ chồng chung sống nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc và cộng với việc làm ăn của chồng thất bại, chơi bời dẫn đến phải bán nhà trả nợ, nhiều lần chồng chị lừa dối chị để lấy tiền làm việc riêng. Nhiều lần như vậy chị đã không còn niềm tin với chồng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị và cha mẹ chồng đã thấy những việc làm sai trái của anh Q nên nhiều lần khuyên ngăn anh mà vẫn không cải thiện. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 02 năm

2023 cho đến nay, vợ chồng không còn tình cảm. Nay chị T1 yêu cầu xin ly hôn anh Quang. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Nguyễn Hồ Bảo H, sinh ngày 10/7/2015, Nguyễn Hồ Hữu A, sinh ngày 22/01/2020, hiện các con đang ở với vợ chồng chị. Nay ly hôn chị xin con, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị T1 không yêu cầu gì khác.

Bị đơn Nguyễn Hữu Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai trình bày như sau: Giữa anh với Hồ Thị Mỹ T1 tự tìm hiểu và kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã P. Vợ chồng cưới nhau xong vào Sài Gòn sống đến cuối năm 2015 thì vợ anh mang bầu thì vợ chồng về quê ở Thôn D, xã P, huyện T sinh sống. Tuy nhiên thời gian vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do đó vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2023 cho đến nay. Gia đình hai bên có biết vợ chồng anh mâu thuẫn nhưng không can thiệp. Nay vợ anh xin ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên là Nguyễn Hồ Bảo H, sinh ngày 10/7/2015, Nguyễn Hồ Hữu A, sinh ngày 22/01/2020, hiện các con đang ở với vợ anh. Nay ly hôn vợ anh xin nuôi con thì anh đồng ý, vợ anh không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh Q không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T1 ly hôn anh Quang. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Nguyễn Hồ Bảo H, sinh ngày 10/7/2015, Nguyễn Hồ Hữu A, sinh ngày 22/01/2020 cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị T1 không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Tòa không xét. Về tài sản chung: Chị T1, anh Q đều khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Hồ Thị Mỹ T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T1 được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là Nguyễn Hữu Q cư trú tại Thôn D, xã P, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Nguyễn Hữu Q có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Mỹ T1 với anh Nguyễn Hữu Q thì thấy rằng hôn nhân giữa chị T1 và anh Q là tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 28 ngày 24/02/2015, tại UBND xã P, huyện T nên đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị T1 và anh Q chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế, vợ chồng đã không chung sống với nhau từ năm 2023 cho đến nay, nay chị T1 yêu cầu ly hôn anh Q đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T1 và anh Q đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn đơn cho chị T1 ly hôn anh Quang.

[2].2 Về nuôi con chung: Chị T1 và anh Q có 02 con chung tên là Nguyễn Hồ Bảo H, sinh ngày 10/7/2015, Nguyễn Hồ Hữu A, sinh ngày 22/01/2020, hiện các con đang ở với chị T1. Nay ly hôn chị T1 xin nuôi hai con, anh Q đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của các con, nên giao hai con cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T1 không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa không xét.

[2].3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 và anh Q khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa không xét.

[3]. Về án phí DSST: Buộc chị T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị Mỹ T1 ly hôn anh Nguyễn Hữu Q.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Giao 02 con chung của chị T1 và anh Q tên là Nguyễn Hồ Bảo H, sinh ngày 10/7/2015, Nguyễn Hồ Hữu A, sinh ngày 22/01/2020 cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, hiện các con đang ở với chị T1. Về cấp dưỡng: Tòa không xét. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc chị T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001675, ngày 27/5/2024 tại CCTHADS huyện T được khấu trừ vào án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/7/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện T;
 - CCTHADS huyện T;
 - Phòng KTNV -TAND tỉnh BĐ;
 - UBND xã P
- (số 28 Ngày 24/02/2015)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán–Chủ Tọa Phiên Tòa

Đặng Văn Thái Đỗ Nhật Tân

Trần Thị Bích Thủy

Nơi nhận :

- Các bên đương sự
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- Phòng GD&ĐT TAND tỉnh Bình Định .
- UBND xã P
- Số 28 ngày 24/02/2015)
- Lưu hồ sơ . . .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy

Trần Thị Bích Thủy

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Các bên đương sự
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- Phòng GD&ĐT TAND tỉnh Bình Định .
- UBND xã P
- Số 41 ngày 09-4-2007)
- Lưu hồ sơ .

Trần Thị Bích Thủy

